

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		414.761.591.405	444.517.144.993
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		712.868.149	1.850.324.368
1. Tiền	111	V.1	712.868.149	1.850.324.368
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		93.330.970	99.330.970
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.3	-3.437.935.369	-3.437.935.369
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	3.531.266.339	3.537.266.339
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		270.455.822.691	290.036.254.866
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	172.006.263.136	193.356.262.949
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	36.376.209.084	40.016.574.638
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	66.533.730.097	61.123.796.905
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-4.460.379.626	-4.460.379.626
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		143.499.569.595	152.531.234.789
1. Hàng tồn kho	141	V.7	143.499.569.595	152.531.234.789
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		135.651.362.697	131.427.758.700
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220	V.9	25.822.063.345	26.526.899.636
1. Tài sản cố định hữu hình	221		25.822.063.345	26.526.899.636
- Nguyên giá	222		96.057.440.298	95.574.087.298
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-70.235.376.953	-69.047.187.662
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	0	0
- Nguyên giá	228		591.604.920	591.604.920
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-591.604.920	-591.604.920
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		94.184.901.664	94.184.901.664

1. Đầu tư vào công ty con	251		73.887.713.000	73.887.713.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	19.226.645.000	19.226.645.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	3.400.000.000	3.400.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13	-2.329.456.336	-2.329.456.336
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.644.397.688	10.715.957.400
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	15.644.397.688	10.715.957.400
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		4.898.463.895	
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		555.311.417.997	575.944.903.693

NGUỒN VỐN			0	0
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		530.412.135.323	546.355.813.142
I. Nợ ngắn hạn	310		530.412.135.323	546.355.813.142
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	163.305.037.040	161.462.282.070
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	183.865.314.889	202.112.718.097
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.17	19.826.198.157	18.636.683.135
4. Phải trả người lao động	314	V.18	5.216.442.707	7.150.819.148
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		65.887.846.707	63.329.436.917
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.19		
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	43.355.670.150	40.068.043.873
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		49.002.931.263	53.555.271.492
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-47.305.590	40.558.410
13. Quỹ bình ổn giá	323	V.21	0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn	330		0	0
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24.899.282.674	29.589.090.551
I. Vốn chủ sở hữu	410		24.899.282.674	29.589.090.551
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	69.583.450.000	69.583.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		0	0
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	31.679.340.000	31.679.340.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.23	-23.826.463.682	-23.826.463.682

6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	7.414.682.460	7.414.682.460
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	-59.951.726.104	-55.261.918.227
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-55.261.918.227	-56.785.204.612
- Lợi nhuận sau phân phối kỳ này	421b		-4.689.807.877	1.523.286.385
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		555.311.417.997	575.944.903.693

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11, toà nhà VINACONEX 9, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 046 2510101 Fax: 046 2510100

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm tài chính 2016

Mẫu số: B 02-DN

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	60.539.280.396	15.975.400.434	60.539.280.396	15.975.400.434
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		60.539.280.396	15.975.400.434	60.539.280.396	15.975.400.434
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	60.531.149.754	15.518.272.504	60.531.149.754	15.518.272.504
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8.130.642	457.127.930	8.130.642	457.127.930
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.849.198	1.699.345.070	12.849.198	1.699.345.070
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.479.642.123	3.389.398.969	1.479.642.123	3.389.398.969
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			0		0
8. Chi phí bán hàng	25		0		0	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.449.594.777	3.194.254.674	3.449.594.777	3.194.254.674
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22) - (24+25))	30		-4.908.257.060	-4.427.180.643	-4.908.257.060	-4.427.180.643
11. Thu nhập khác	31	VI.6	380.611.167	162.830.493	380.611.167	162.830.493
12. Chi phí khác	32	VI.7	162.161.984	698.880	162.161.984	698.880
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		218.449.183	162.131.613	218.449.183	162.131.613
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		-4.689.807.877	-4.265.049.030	-4.689.807.877	-4.265.049.030
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.18				0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		-4.689.807.877	-4.265.049.030	-4.689.807.877	-4.265.049.030
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		0	0	0	0
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		0	0	0	0
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	VI.8	-963	-876	-963	-876
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

NGƯỜI LẬP**KẾ TOÁN TRƯỞNG****GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11, toà nhà VINACONEX 9, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội
Tel: 046 2510101 Fax: 046 2510100

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm tài chính 2016

Mẫu số: B 03-DN

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		62.256.176.842	122.118.016.514
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(40.974.808.994)	(165.769.125.414)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.805.928.357)	(19.559.036.064)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(826.500.000)	(1.700.000.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		76.331.832.145	307.433.944.221
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(82.582.599.641)	(305.932.085.865)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.398.171.995	(63.408.286.608)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(20.030.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.000.000	160.060.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.712.015	4.074.144.399
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.712.015	144.104.144.399
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.327.310.000	42.564.034.638
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.879.650.229)	(127.648.517.491)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.552.340.229)	(85.084.482.853)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.137.456.219)	(4.388.625.062)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.850.324.368	6.238.949.430
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		712.868.149	1.850.324.368

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Thi công xây lắp các công trình ngầm, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước, đường dây, trạm biến áp đến 110KV; Kinh doanh vật tư trong xây dựng.
- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:** Trên 12 tháng
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 Công ty có 232 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 15 là 181 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1-2016

2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết, đầu tư khác: được trình bày theo giá gốc trên Báo cáo tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

5. Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1-2016

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	8-12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm.

Tiền thuê văn phòng: Là toàn bộ chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thanh toán tiền thuê văn phòng tại tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội theo hợp đồng thuê văn phòng số 44HĐTVP/CC9-ĐT ngày 09 tháng 6 năm 2008 ký kết với Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng, dự kiến đến hết năm 2056

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1-2016

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1-2016

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.380 VND/USD

25.466 VND/EUR

31/12/2015 : 22.510 VND/USD

24.383 VND/EUR

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1-2016

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1-2016

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1-2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	50,764,032	234,157,109
Tiền gửi ngân hàng	662,104,117	1,616,167,259
Cộng	712,868,149	1,850,324,368

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Cho vay ngắn hạn		
Cty CP TM DV Quốc Tế An Thịnh	2,360,000,000	2,360,000,000
Cty CP SX vật liệu mới Vinavico	1,077,935,369	1,077,935,369
Cty CP đa phương tiện truyền thông Vinaco	18,930,970	18,930,970
Cá nhân khác	80,400,000	74,400,000
Cộng	3,537,266,339	3,531,266,339

3. Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP SX vật liệu mới Vinavico	(1,077,935,369)	(1,077,935,369)
Cty CP TM DV Quốc tế An Thịnh	(2,360,000,000)	(2,360,000,000)
Cộng	(3,437,935,369)	(3,437,935,369)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm	Năm trước
Số đầu năm	(3.437.935.369)	(2.406.554.759)
Trích lập dự phòng bổ sung		(1.031.386.610)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(3.437.935.369)	(3.437.935.369)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1-2016

4. Phải thu khách hàng

	Cuối năm	Đầu năm
Ban quản lý dự án thủy điện I – DA Bản Chát	32,246,044,533	32,246,044,533
Ban điều hành dự án BuonKuop	21,749,888,242	21,749,888,242
Công ty CP điện VIETRACIMEX Lào Cai (Tà Thàng)	26,584,095,566	26,584,095,566
Công ty cổ phần đầu tư Đèo Cả	21,184,700,210	23,447,276,160
BĐH DA Hòa Na	19,302,939,571	26,104,415,600
Phải thu các đơn vị khác	49,240,360,611	61,526,308,445
Cộng	170,308,028,733	191,658,028,546

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước các nhà thầu phụ và nhà cung cấp	36,376,209,084	40,016,574,638
Cộng	36,376,209,084	40,016,574,638

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP năng lượng Vinavico	-	3,699,918,000
BĐH DA Thác Mơ	583,000,000	583,000,000
Cty Cp Đèo Cả -Bảo lãnh thực hiện HĐ	50,000,000,000	50,000,000,000
BĐH DA Đèo Cả	1,981,500,000	1,200,000,000
Cty CP Khoáng sản Vinavico	700,000,000	700,000,000
Phải thu khác	2,373,156,000	2,328,314,817
Cty CP năng lượng Vinavico	7,119,621,943	
Cộng	62,757,277,943	58,511,232,817

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	15,674,763,234	15,122,847,500
Công cụ, dụng cụ	988,375,596	831,670,525
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	123,924,334,266	133,633,673,174
Hàng gửi đi bán	2,912,096,499	2,943,043,590
Cộng	143,499,569,595	152,531,234,789

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1-2016

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	2,962,005,829	1,798,117,763
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	5,667,073,725	768,609,830
Cộng	8,629,079,554	2,566,727,593

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	88,202,138,131	6,771,808,189	600,140,978	95,574,087,298
Tăng trong năm do mua sắm mới	1,698,353,000	-		1,698,353,000
Giảm trong năm	1,215,000,000	-		1,215,000,000
Số cuối năm	88,685,491,131	6,771,808,189	600,140,978	96,057,440,298
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	63,002,879,936	5,907,527,968	136,779,758	69,047,187,662
Tăng trong năm do mua sắm mới	2,217,823,259	170,275,619	15,090,412	2,403,189,291
Giảm trong năm	1,215,000,000			1,215,000,000
Số cuối năm	64,005,703,195	6,077,803,587	151,870,170	70,235,376,953
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	25,199,258,195	864,280,221	463,361,220	26,526,899,636
Số cuối năm	24,679,787,936	694,004,602	448,270,808	25,822,063,345

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	447.604.920	144.000.000	591.604.920
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	447.604.920	144.000.000	591.604.920
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	447.604.920	144.000.000	591.604.920
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	447.604.920	144.000.000	591.604.920
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	447.604.920	144.000.000	591.604.920
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1-2016

	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Số cuối năm	-	-	-
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cp Pipe Jacking Việt Nam	73.987.713.000	0
Cộng	73.987.713.000	0

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Lãi lỗ năm 2015	Điều chỉnh giá trị theo lãi lỗ
Công ty CP ĐTXD và khai thác mỏ Vinavico	24.66%	11,457,565,000	(1,783,545,772)	(439,822,387)
Công ty CP năng lượng Vinavico	30.00%	4,109,080,000	-	-
Công ty CP CN Khoáng sản Vinavico	20.00%	3,000,000,000	-	-
Công ty CP ĐT và PT CNTT Vinavico	40.00%	660,000,000	-	-
Cộng		19,226,645,000	(1,783,545,772)	(439,822,387)

- (a) Tại ngày kết thúc quý I-2016, Công ty nắm giữ 1.084.957 cổ phiếu, tương đương 24,66% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinavico số tiền là 30.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư là 4.109.080.000 VND, tương đương 4,1% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinavico là 25.890.920.000 VND.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Vinavico số tiền là 3.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.
- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông tin Vinavico số tiền là 1.200.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, số tiền Công ty đã đầu tư là 660.000.000 VND, tương đương 22% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông tin Vinavico là 540.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1-2016

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		650.000.000		650.000.000
Công ty Cổ phần Vinavico	68.250	650.000.000	68.250	650.000.000
Góp vốn cổ phần		2.750.000.000		2.750.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại Việt Nam	240.000	2.400.000.000	240.000	2.400.000.000
Công ty Cổ phần Khai thác đá Yên Bình	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Cộng		3.400.000.000		3.400.000.000

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư cổ phiếu	(411.1255.000)	(411.1255.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2	0	0
Công ty Cổ phần Vinavico	(411.125.000)	(411.125.000)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	(1.854.840.063)	(1.854.840.063)
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico	(1.854.840.063)	(1.854.840.063)
Dự phòng các khoản góp vốn cổ phần	(83.966.273)	(83.966.273)
Công ty Cổ phần Khai thác đá Yên Bình	(83.966.273)	(83.966.273)
Cộng	(2.329.456.336)	(2.329.456.336)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.642.686.336)	(2.642.686.336)
Trích lập dự phòng bổ sung	0	0
Hoàn nhập dự phòng	313.230.000	313.230.000
Số cuối năm	(2.329.456.336)	(2.329.456.336)

15. Chi phí trả trước

	Chi phí phát sinh		Phân bổ vào chi	
	Số đầu năm	trong năm	phí trong năm	Số cuối năm
Tiền thuê văn phòng	9,029,903,425		54,726,687	8,975,176,738
Chi phí sửa chữa	1,686,053,975	5,948,645,440	965,478,465	6,669,220,950
Cộng	10,715,957,400	5,948,645,440	1,020,205,152	15,644,397,688

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1-2016

16. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	23,572,458,672	28,110,706,139
NH TMCP Quân Đội - CN Hoàng Quốc Việt	23,571,458,672	28,109,706,139
NH NN&PTNT	1,000,000	1,000,000
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	18,108,890,459	18,122,983,221
Công ty CPTC Vinaconex Viettel	14,778,890,459	14,792,983,221
Công ty CP Vinavico Đầu tư	430,000,000	430,000,000
Bà Phạm Thị Thúy Phương	2,200,000,000	2,200,000,000
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	700,000,000	700,000,000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	7,321,582,132	7,321,582,132
Cộng	49,002,931,263	53,555,271,492

Chi tiết số phát sinh về các khoản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn NH	28,110,706,139		4,538,247,467	23,572,458,672
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	18,122,983,221	2,327,310,000	2,341,402,762	18,108,890,459
Vay dài hạn đến hạn trả	7,321,582,132			7,321,582,132
Cộng	53,555,271,492	2,327,310,000	6,879,650,229	49,002,931,263

17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các nhà thầu phụ, nhà cung cấp	163,305,037,040	161,462,282,070
Cộng	163,305,037,040	161,462,282,070

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	183,865,314,889	202,112,718,097
Cộng	183,865,314,889	202,112,718,097

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1-2016

19. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	29,948,770,023	25,432,608,654
Chi phí tạm hạch toán phải trả cho các thầu phụ	38,380,666,894	40,455,238,053
Cộng	68,329,436,917	65,887,846,707

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm XH, BHTN, BHYT	3,327,042,136	3,228,615,561
Kinh phí công đoàn	51,202,002	8,368,145
Phải trả, phải nộp khác	39,931,589,517	36,785,223,672
Cộng	43,309,833,655	40,022,207,378

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(191,103,641)		(87,864,000)	(278,967,641)
Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành	231,662,051			231,662,051
Cộng	40,558,410	-	(87,864,000)	(47,305,590)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	69,583,450,000	31,679,340,000	(23,826,463,682)	-	7,414,682,460	(55,261,918,227)	29,589,090,551
Cổ phiếu quỹ							
Lợi nhuận trong năm nay						(4,689,807,877)	(4,689,807,877)
Chia cổ tức							
Trích lập các quỹ trong năm							
Số dư cuối năm	69,583,450,000	31,679,340,000	(23,826,463,682)	-	7,414,682,460	(59,951,726,104)	24,899,282,674

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.958.345	6.958.345
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	6.958.345	6.958.345
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.958.345	6.958.345
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2.087.500)	(2.087.500)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.087.500)	(2.087.500)
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.870.845	4.870.845
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.870.845	4.870.845
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH – LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ NÀY

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	60,539,280,396	15,975,400,434
Cộng	60,539,280,396	15,975,400,434

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	60,531,149,754	15,518,272,504
Cộng	60,531,149,754	15,518,272,504

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cổ tức lợi nhuận được chia	12,849,198	1,770,178,404
Cộng	12,849,198	1,770,178,404

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí tài chính	1,479,642,123	3,389,398,969
Cộng	1,479,642,123	3,389,398,969

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1-2016

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2,155,931,794	1,761,789,750
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105,224,200	-
Công cụ, dụng cụ	65,265,074	49,279,837
Chi phí khấu hao tài sản cố định	105,137,622	149,599,915
Thuế, phí và lệ phí	3,000,000	5,484,293
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	763,070,237	626,276,273
Chi phí bằng tiền khác	271,118,578	634,074,606
Cộng	3,468,747,505	3,226,504,674

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng, thu nhập khác	380,611,167	163,055,187
Cộng	380,611,167	163,055,187

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt hợp đồng, khác	162,161,984	709,000
Cộng	162,161,984	709,000

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.689.807.877)	(4.265.049.030)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.870.845	4.870.845
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(963)	(876)

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lương

Nguyễn Công Đường

Chu Anh Đức